TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 240/2018/DS-PT
Ngày: 09-10-2018
V/v Tranh chấp dân sự về quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Giao.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh.

Ông Đinh Chí Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Phan Trung Quốc – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 14/8/2018, ngày 14/9/2018 và ngày 09/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2018/TLPT-DS ngày 19 tháng 6 năm 2018, về việc "Tranh chấp dân sự về quyền sử dụng đất";

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2018/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng tháp bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 200/2018/QĐ-PT ngày 20/7/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 202/2018/QĐ-PT ngày 14/8/2018 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 225/2018/QĐPT-DS ngày 14/9/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hà Thị C, sinh năm: 1932;

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện N, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hà Thị C là anh Nguyễn Văn N1, sinh năm: 1974; Địa chỉ: 130, ấp A, xã T, huyện N, tỉnh Đồng Tháp (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 27/7/2018) (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị P, sinh năm: 1959;

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện N, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị P là anh Nguyễn Phước T1, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Khóm 6, thị trấn C1, huyện N, tỉnh Đồng Tháp (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 19/4/2017) (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn R, sinh năm: 1960 (có mặt);

3.2. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1982 (vắng mặt);

3.3. Anh Nguyễn Văn U, sinh năm: 1989 (vắng mặt);

3.4. Anh Nguyễn Văn V, sinh năm: 1991 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện N, tỉnh Đồng Tháp.

3.5. Bà Trần Thị V1, sinh năm: 1957 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện N, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: Ấp E, xã F, huyện N, tỉnh Đồng Tháp.

3.6. Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Tháp;

Địa chỉ: Khóm 6, thị trấn C1, huyện N, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn N1. Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N (có đơn xin vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bà Trần Thị P (là bị đơn trong vụ án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Hà Thị C là ông Nguyễn Văn N1 trình bày:

Ông Trần Văn G là chồng của bà Hà Thị C (ông G chết năm 2010). Vào năm 1997 ông G được Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tổng diện tích 20.662m^2. Trong tổng diện tích trên có 1.780m^2, tại thửa 1956, tờ bản đồ số 4, mục đích sử dụng đất lúa. Trong thửa 1956 có diện tích 496,8m^2 (hiện trạng cái mương lạng) đang tranh chấp với bà Trần Thị P, trước đây cái mương có chiều dài khoảng 1.700m, ông Tr sử dụng vào việc khai thác cá hàng năm, sau này (không nhớ năm) ông G đã san lắp để làm lúa và đã sử dụng đến nay. Còn diện tích cái mương như hiện nay không san lắp được do không có đất để san lắp. Đất có nguồn gốc của ông Trần Văn O và bà Nguyễn Thị D (cha mẹ của ông G và ông Tr) để lại, bà Trần Thị P là cháu ruột ông G (con ông Tr), bà P kêu ông G bằng chú. Khoảng năm 2007- 2008 bà P cùng chồng là Nguyễn Văn R đến hỏi ông G mượn diện tích cái mương lạng để lên liếp trồng cải dọc theo hai bên mé

mương, dưới mương nuôi cá. Vì ông G chưa có nhu cầu sử dụng, hơn nữa bà P là cháu ruột nên ông G đồng ý cho mượn và bà P sử dụng từ đó đến nay. Sau khi ông G chết tất cả các con ông G thống nhất cho bà C (vợ ông G) được đứng tên và hiện tại bà C đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo thủ tục thừa kế. Đến năm 2013 do bà P lấn ranh nên giữa bà C và bà P xảy ra tranh chấp. Vụ việc đã được Ủy ban nhân dân xã T giải quyết theo yêu cầu của bà C, kết quả bà C được chấp nhận yêu cầu. Bà C yêu cầu bà P trả lại quyền sử dụng đất mà trước đây ông G cho mượn nhưng bà P không đồng ý, bà cho rằng diện tích cái mương là của bà nên không đồng ý trả. Hôm nay bà C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị P cùng những thành viên trong gia đình trả lại quyền sử dụng đất, có diện tích ngang mặt trước 7,6m, ngang giữa là 5,8m, ngang sau hậu là 08m, dài 73m. Tổng diện tích 496,8m^2 tại thửa 1956, tờ bản đồ số 04, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Đại diện theo ủy quyền của bị đơn Trần Thị P là ông Nguyễn Phước T1 trình bày:

Đối với yêu cầu của bà Hà Thị C, bà P không đồng ý. Vì đất hiện bà C tranh chấp với bà P có diện tích 496,8m^2 tại thửa 1956, tờ bản đồ 4, gia đình bà P đã sử dụng từ năm 1985, đất có nguồn gốc là của ông Trần Văn Tr và bà Nguyễn Thị Đ (cha mẹ bà P), ông Tr và bà Đ cũng thừa hưởng từ cha mẹ là ông O, bà D. Diện tích đất tranh chấp, mục đích sử dụng là đất lúa nhưng hiện trạng là một cái mương lạng, bà P sử dụng vào việc nuôi cá và đã sử dụng ổn định, không ai tranh chấp. Vì hoàn cảnh gia đình khó khăn nên vợ chồng bà P lên Sài Gòn làm thuê sinh sống, không có mặt thường xuyên ở nhà nên khi có lệnh Nhà nước cho đăng ký quyền sử dụng bà P không đi đăng ký, đến năm 2003 bà P đến Ủy ban nhân dân xã T xin đăng ký, thì chỉ đăng ký được diện tích đất nền nhà, còn diện tích cái mương thì ông G đã đăng ký và được cấp quyền sử dụng rồi. Sau đó vợ chồng bà P tiếp tục lên Sài Gòn làm thuê không tranh chấp với ông G, đến năm 2013 bà P mới về tranh chấp. Hôm nay, bà Hà Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị P có trách nhiệm trả lại quyền sử dụng đất ngang mặt trước 7,6m, ngang giữa là 5,8m, ngang sau hậu là 08m, dài 73m, tổng diện tích 496,8m^2 tại thửa 1956, tờ bản đồ 4, bà P không đồng ý trả theo yêu cầu của bà C. Bà P yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện do bà C đứng tên, để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng lại cho bà diện tích 496,8m^2 (cái mương lạng), ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện N trình bày:

Việc Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số 01530 QSDĐ/A3 ngày 14/11/1997 cho ông Trần Văn G là cấp lần đầu và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số CH00626 ngày 29/7/2011 cho bà Hà Thị C theo thủ tục thừa kế. Việc cấp giấy trên được thực hiện đúng trình tự, thủ tục và đối tượng tại thời điểm cấp giấy.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị V1 trình bày:

Trần Thị P là em ruột tôi, từ trước đến nay tôi đăng ký hộ khẩu chung với gia đình em tôi, nhưng tôi đã có gia đình riêng, hiện tạm trú tại ấp Ấp E, xã F, huyện N, tỉnh Đồng Tháp, không liên quan gì đến gia đình em tôi, chỉ vì tôi chưa cắt hộ khẩu mà thôi. Đối với vụ việc tranh chấp giữa bà C với em tôi, tôi không có ý kiến, tôi chỉ biết diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông nội là ông Trần Văn O để lại cho ba tôi là ông Trần Văn Tr, sau khi ba tôi chết em tôi đã sử dụng diện tích đất trên từ năm 1985, vì em tôi (P) sống với ba tôi từ nhỏ. Năm 2003, em tôi đi đăng ký quyền sử dụng đất thì mới biết Chú tôi là ông G đã đăng ký và đã được cấp giấy rồi. Vì hoàn cảnh gia đình khó khăn em tôi không có mặt thường xuyên ở nhà nên khi biết ông G đăng ký em tôi không tranh chấp, đến năm 2013 em tôi mới tranh chấp. Hôm nay bà C cho rằng diện tích đất trên là của bà, vì bà đã đứng tên. Tôi yêu cầu Tòa án căn cứ theo pháp luật giải quyết, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn R; anh Nguyễn Văn H; anh Nguyễn Văn U và anh Nguyễn Văn V không trình bày ý kiến của mình.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2018/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Hà Thị C đối với bà Trần Thị P.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị P đối với bà Hà Thị C về việc yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số CH00626 ngày 29/7/2011 hiện bà Hà Thị C đứng tên.

- Bà Trần Thị P, ông Nguyễn Văn R, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn U và anh Nguyễn Văn V có trách nhiệm trả lại cho bà Hà Thị C diện tích đất 498m^2 hiện do bà C đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đúng với sơ đồ đo đạc và biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/12/2017. Vị trí cụ thể như sau:

+ Hướng Đông: Giáp lộ làng, đo từ mốc 1 đến mốc 2 có cạnh là 6,97m (Mốc 1 cách gốc Miễu 1 là 15,60m, cách trụ điện là 6,48m; Mốc 2 cách trụ điện là 2,29m).

+ Hướng Tây: Giáp đất bà Hà Thị C, thửa 1956, đo từ mốc 4 đến mốc 16 có cạnh là 7,84m (Mốc 16 cách góc Miễu 2 là 52,30m; Mốc 4 cách mốc 17 (trụ đá) là 37,06m).

+ Hướng Nam: Giáp đất bà Nguyễn Thị B, thửa 1256 đo từ mốc 4 đến mốc 3 có cạnh là 28,13m; giáp đất bà Nguyễn Thị B thửa 1184, đo từ mốc 3 đến mốc 2 có cạnh là 39,28m (Mốc 3 cách góc Miễu 2 là 23,82m, cách trụ điện là 37,37m).

+ Hướng Bắc: Giáp đất bà Hà Thị C thửa 1186 đo từ mốc 16 đến mốc 17 có cạnh là 36,46m, giáp đất bà Trần Thị P đo từ mốc 17 đến mốc 01 có cạnh là 33,88m

(Mốc 17 (trụ đá) cách gốc Miễu 2 là 16,31m; cách trụ điện là 31,93m).

- Bà Trần Thị P, ông Nguyễn Văn R, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn U và anh Nguyễn Văn V có trách nhiệm đốn tất cả các cây do bà P trồng trên đất tranh chấp (trừ 02 cây gáo do ông Trần Văn O trồng: 01 cây có bề hoành 1,5m và 01 cây có bề hoành 89cm; 01 phần cái Miễu) và di dời khoảng 300 con cá tra mà gia đình bà P nuôi dưới mương (Theo biên bản tự nguyện thỏa thuận ngày 20/3/2018). Cụ thể: 16 cây dừa nhỏ trồng khoảng 03 năm, 18 cây bạch đàn 01 cây bề hoành 60cm; 01 cây có bề hoành 50cm; 01 cây có bề hoành 25cm; 01 cây có bề hoành 113cm; 01 cây có bề hoành 144cm và 01 cây có bề hoành 92cm), 04 cây xoài trồng khoảng 02 năm, 03 cây cồng (01 cây có bề hoành 136cm; 01 cây có bề hoành 89cm và 01 cây có bề hoành 222cm), 01 cây mãng cầu (nhỏ), 07 cây mít (02 cây có bề hoành 48cm và 05 cây có bề hoành 13cm), 04 cây vú sữa trồng khoảng 01 năm, 04 cây mai nhỏ, 01 bụi chuối gồm 05 cây,

- Bà Trần Thị P có trách nhiệm trả lại số tiền 3.049.000đ (Ba triệu, không trăm bốn mươi chín ngàn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ lại cho bà Hà Thị C.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị P phải nộp số tiền 996.000đ (Chín trăm chín mươi sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo luật định.

Ngày 21 tháng 5 năm 2018, bị đơn Trần Thị P kháng cáo không đồng ý toàn bộ bản án sơ thẩm đã xét xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Hà Thị C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Trần Thị P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp ý kiến về vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị P, sửa án sơ thẩm và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hà Thị C.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến phát biểu của vị Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: Các đương sự có mặt tại phiên tòa và đại diện Ủy ban nhân dân huyện N có đơn đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa là đúng theo quy định của pháp luật nên chấp nhận. Riêng đối với anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn U, anh Nguyễn Văn V, bà Trần Thị V1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử trong vụ án này, nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với phần đất tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Hà Thị C với hộ bà Trần Thị P là 498m^2 thuộc một phần của thửa đất số 1956, tờ bản đồ số 4, mục đích sử dụng đất lúa do bà Hà Thị C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/7/2011. Vị trí, tứ cận, số đo của 498m^2 đang tranh chấp trên theo như Bản đồ hiện trạng và Sơ đồ đo mốc ngày 15/12/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N, tỉnh Đồng Tháp.

[3] Theo nội dung kháng cáo cũng như tại phiên tòa phúc thẩm thì người đại diện theo ủy quyền của bị đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 498m^2 đang tranh chấp trên đã cấp cho bà Hà Thị C, buộc bà Hà Thị C giao trả quyền sử dụng đất lại cho bà Trần Thị P sử dụng đối với diện tích 498m^2 đang tranh chấp trên.

[4] Xét qua nội dung kháng cáo cũng như lời trình bày và yêu cầu của bà Trần Thị P là hoàn toàn có căn cứ nên được chấp nhận, bởi lẽ: Đối với diện tích 498m^2 đang tranh chấp trên là do gia đình ông Trần Văn Tr, bà Nguyễn Thị Đ (cha, mẹ bà P) và hộ bà P sử dụng ổn định lâu dài từ năm 1975 đến nay và việc gia đình bà P sử dụng diện tích trên để trồng cây lâu năm, cây ăn trái và nuôi cá từ năm 1985 mà phía gia đình bà C không có ý kiến hay tranh chấp gì đối với phần đất trên. Đồng thời, đối với diện tích 498m^2 đang tranh chấp trên, gia đình ông G (chồng bà C) chỉ đăng ký, kê khai được cấp trên giấy chứng nhận QSD đất chứ không có sử dụng thời gian nào cả. Như vậy đối với diện tích 498m^2 trên là do hộ gia đình cha mẹ bà P và bà P đã sử dụng ổn định lâu dài từ năm 1975 đến nay là trên 30 năm và không ai tranh chấp, do đó nghĩ nên tiếp tục công nhận cho bà P được quyền tiếp tục sử dụng diện tích 498m^2 trên là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp, đúng pháp luật.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn trình bày cho rằng đối với diện tích 498m^2 đất tranh chấp trên là do ông O, bà D (cha mẹ ông G) cho ông G canh tác sử dụng. Vào năm 2007-2008, ông G cho bà P mượn sử dụng để trồng rau cải và nuôi cá nên yêu cầu hộ bà P trả diện tích trên lại cho bà C. Xét lời trình bày và yêu cầu trên của phía nguyên đơn là không có căn cứ nên không được chấp nhận, bởi lẽ: Trong quá trình thu thập chứng cứ của Tòa án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm thì phía nguyên đơn không có chứng cứ pháp lý gì (giấy tờ

pháp lý) để chứng minh diện tích 498m^2 đang tranh chấp trên là do ông O, bà D tặng cho hay chuyển nhượng cho ông G. Đồng thời, phía nguyên đơn cũng không có chứng cứ, giấy tờ gì để chứng minh là hộ bà P đã có mượn diện tích 498m^2 trên của ông G. Do đó, lời trình bày và yêu cầu trên của phía nguyên đơn là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[6] Tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà Trần Thị V1 (chị bà P) trình bày là bà V1 không yêu cầu gì đối với phần đất tranh chấp trên nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét giải quyết.

[7] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp pháp luật như Hội đồng xét xử đã phân tích trên nên được chấp nhận.

[8] Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị P và sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2018/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N như Hội đồng xét xử đã nhận định và phân tích trên là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp, đúng pháp luật.

[9] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị C không được chấp nhận nên bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bà C được miễn nộp tiền án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi (từ đủ 60 tuổi trở lên) theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTV- QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[10] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị C không được chấp nhận nên bà C phải tự chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.049.000 đồng (Ba triệu, không trăm bốn mươi chín ngàn đồng), số tiền chi phí 3.049.000 đồng này bà C đã nộp chi xong).

[11] Do bản án sơ thẩm bị sửa nên bà Trần Thị P không phải chịu tiền án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

[12] Các phần khác của phần quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 100, Điều 166 Luật đất đai năm 2013;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTV- QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị P.

2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2018/DSST ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Tháp.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị C, về việc yêu cầu hộ bà Trần Thị P trả diện tích 498m^2 đang tranh chấp trên cho bà Hà Thị C.

4. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị P về việc yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 498m^2 đang tranh chấp trên thuộc một phần của thửa đất số 1956, tờ bản đồ số 04, mục đích sử dụng đất lúa do bà Hà Thị C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/7/2011.

5. Công nhận cho bà Trần Thị P được quyền tiếp tục sử dụng diện tích 498m^2 đang tranh chấp trên thuộc một phần của thửa đất số 1956, tờ bản đồ số 4, mục đích sử dụng đất lúa do bà Hà Thị C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/7/2011. Diện tích 498m^2 đanh tranh chấp trên được thể hiện như sau:

- Hướng Đông: Giáp lộ làng, đo từ mốc 1 đến mốc 2 có cạnh là 6,97m (Mốc 1 cách gốc Miễu 1 là 15,60m, cách trụ điện là 6,48m; Mốc 2 cách trụ điện là 2,29m).

- Hướng Tây: Giáp đất bà Hà Thị C, thửa 1956, đo từ mốc 4 đến mốc 16 có cạnh là 7,84m (Mốc 16 cách góc Miễu 2 là 52,30m; Mốc 4 cách mốc 17 (trụ đá) là 37,06m).

- Hướng Nam: Giáp đất bà Nguyễn Thị B, thửa 1256 đo từ mốc 4 đến mốc 3 có cạnh là 28,13m; giáp đất bà Nguyễn Thị B thửa 1184, đo từ mốc 3 đến mốc 2 có cạnh là 39,28m (Mốc 3 cách góc Miễu 2 là 23,82m, cách trụ điện là 37,37m).

- Hướng Bắc: Giáp đất bà Hà Thị C thửa 1186 đo từ mốc 16 đến mốc 17 có cạnh là 36,46m, giáp đất bà Trần Thị P đo từ mốc 17 đến mốc 01 có cạnh là 33,88m (Mốc 17 (trụ đá) cách gốc Miễu 2 là 16,31m; cách trụ điện là 31,93m).

6. Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Tháp thu hồi đối với diện tích 498m^2 đang tranh chấp trên thuộc một phần của thửa đất số 1956, tờ bản đồ số 4, mục đích sử dụng đất lúa do bà Hà Thị C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/7/2011 để cấp lại cho bà Trần Thị P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo luật định.

7. Bà Trần Thị P và bà Hà Thị C có quyền đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để làm thủ tục đăng ký, tách, chuyển, điều chỉnh lại diện

tích theo thực tế và đứng tên quyền sử dụng đất đối với diện tích 498m^2 thuộc thửa đất số 1956, tờ bản đồ số 04 đang tranh chấp trên theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo Bản đồ hiện trạng và Sơ đồ đo mốc ngày 15/12/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N, tỉnh Đồng Tháp).

8. Về án phí:

- Bà Hà Thị C được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm do thuộc diện người cao tuổi.

- Hoàn trả lại cho bà Trần Thị P 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm kháng cáo theo biên lai số 0003622 ngày 29/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Tháp.

9. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Hà Thị C phải tự chịu toàn bộ tiền chi phí thẩm định là 3.049.000 đồng (số tiền chi phí 3.049.000 đồng này bà C đã nộp chi xong).

10. Các phần khác của phần quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện N;
- CCTHADS huyện N;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Giao